

Số: 23/2020/QĐST-HNGĐ

X, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH KON TUM**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2020 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà B, sinh năm 1957.

2. Ông A, sinh năm 1953.

Địa chỉ cùng trú tại: Tổ dân phố 4B, thị trấn X, huyện X, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1983 ông A và bà B đều thừa nhận có đăng ký kết hôn với nhau tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được xác định là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống các bên phát sinh mâu thuẫn và đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. Xét thấy việc ông bà thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông A và bà B đều xác nhận có 03 người con chung là C, sinh ngày 14/04/1984; D, sinh ngày 14/07/1985 và E, sinh ngày 14/10/1989. Tất cả đều trưởng thành và tự lập được, ông A và bà B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông A và bà B thuộc trường hợp người cao tuổi, được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn lệ phí giải quyết việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông A và bà B.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà B và ông A.
- Về con chung: Cả 03 người con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được nên không đề cập.
- Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà B và ông A được miễn nộp tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND Huyện X;
- UBND thị trấn R, H. G;
- Chi cục THADS
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Phạm Trọng Hàn